

QUY ĐỊNH

Tổ chức và hoạt động của lực lượng quản lý đề nhân dân ở các xã, phường có đề trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này chi tiết về cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đề nhân dân (không thuộc biên chế nhà nước) tại các xã, phường (gọi chung là cấp xã) có đề trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức

Lực lượng quản lý đề nhân dân do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, hoạt động dưới sự quản lý, điều hành trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp xã và hướng dẫn chuyên môn của cơ quan chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đề điều và phòng, chống thiên tai thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và Hạt Quản lý đề điều hoặc cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đề điều và phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Chương II TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG QUẢN LÝ ĐỀ NHÂN DÂN

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Áp dụng theo quy định của Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11/5/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đề nhân dân (được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025; số 10/2026/TT-BNNMT ngày 06/2/2026).

2. Định mức số lượng: Việc xác định số lượng nhân viên quản lý đề nhân dân căn cứ vào chiều dài, đặc thù các tuyến đề sông, đề cửa sông, đề biển, đề bồi trên từng địa bàn cấp xã theo nguyên tắc áp dụng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, như sau:

- Đối với cấp xã có số km đê đến 5km có 01 (một) nhân viên.
- Đối với cấp xã có số km đê lớn hơn 5km đến 10km có 02 (hai) nhân viên.
- Đối với cấp xã có số km đê lớn hơn 10km đến 15km có 03 (ba) nhân viên.
- Đối với cấp xã có số km đê lớn hơn 15km đến 20km có 04 (bốn) nhân viên.
- Đối với cấp xã có số km đê lớn hơn 20km đến 25km có 05 (năm) nhân viên.
- Đối với cấp xã có số km đê lớn hơn 25km có 06 (sáu) nhân viên.

3. Căn cứ tổng chiều dài các tuyến đê (đê chính, đê bồi), Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ tổng số **154 nhân viên** cho các đơn vị cấp xã phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa bàn, như sau:

- Xã Phụng Công: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên. quản lý 3,456km đê chính và 0,5km đê bồi.

- Xã Văn Giang: Lực lượng quản lý đê nhân dân 02 (hai) nhân viên. quản lý 3,75km đê chính và 1,8km đê bồi.

- Xã Mỹ Sở: Lực lượng quản lý đê nhân dân 04 (bốn) nhân viên; quản lý 7,0km đê chính và 9,36km đê bồi.

- Xã Triệu Việt Vương: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 2,6km đê chính.

- Xã Châu Ninh: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 3,3km đê chính và 10,65km đê bồi.

- Xã Khoái Châu: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 4,85km đê chính.

- Xã Chí Minh: Lực lượng quản lý đê nhân dân 02 (hai) nhân viên; quản lý 7,21km đê chính và 0,7km đê bồi.

- Xã Đức Hợp: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 5,442km đê chính và 8,71km đê bồi.

- Xã Hiệp Cường: Lực lượng quản lý đê nhân dân 02 (hai) nhân viên; quản lý 5,707km đê chính và 2,39km đê bồi.

- Phường Sơn Nam: Lực lượng quản lý đê nhân dân 04 (bốn) nhân viên; quản lý 6,641km đê chính và 10,14km đê bồi.

- Phường Phố Hiến: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 2,2km đê chính.

- Phường Hồng Châu: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 3,0km đê chính và 11,49km đê bồi.

- Xã Tân Hưng: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 4,95km đê chính.
- Xã Tiên Lữ: Lực lượng quản lý đê nhân dân 02 (hai) nhân viên; quản lý 7,2km đê chính.
- Xã Tiên Hoa: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 3,3km đê chính.
- Xã Tổng Trân: Lực lượng quản lý đê nhân dân 05 (năm) nhân viên; quản lý 9,1km đê chính và 14,84km đê bồi.
- Xã Long Hưng: Lực lượng quản lý đê nhân dân 05 (năm) nhân viên; quản lý 10,99km đê chính và 9,12km đê bồi.
- Xã Lê Quý Đôn: Lực lượng quản lý đê nhân dân 02 (hai) nhân viên; quản lý 7,375km đê chính.
- Xã Hồng Minh: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 7,445km đê chính và 3,7km đê bồi.
- Xã Ngự Thiên: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 8,29km đê chính và 5,74km đê bồi.
- Xã Tiên La: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 2,0km đê chính.
- Xã Diên Hà: Lực lượng quản lý đê nhân dân 02 (hai) nhân viên; quản lý 4,0km đê chính và 4,92km đê bồi.
- Xã Ngọc Lâm: Lực lượng quản lý đê nhân dân 04 (bốn) nhân viên; quản lý 7,3km đê chính và 7,8km đê bồi.
- Xã Minh Thọ: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 7,2km đê chính và 4,5km đê bồi.
- Xã A Sào: Lực lượng quản lý đê nhân dân 04 (bốn) nhân viên; quản lý 10,3km đê chính và 5,0km đê bồi.
- Xã Đồng Bằng: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 0,7km đê chính.
- Xã Phụ Dực: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 11,0km đê chính.
- Xã Tiên Hưng: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 4,5km đê chính.
- Xã Nam Tiên Hưng: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 10,7km đê chính.

- Xã Nam Đông Hưng: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 2,1km đê chính.
- Xã Đông Quan: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 4,52km đê chính.
- Phường Trà Lý: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 12,8km đê chính.
- Phường Thái Bình: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 13,54km đê chính.
- Phường Trần Lãm: Lực lượng quản lý đê nhân dân 02 (hai) nhân viên; quản lý 8,8km đê chính.
- Xã Tây Thái Ninh: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 4,13km đê chính.
- Xã Bắc Thái Ninh: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 4,7km đê chính.
- Xã Nam Thái Ninh: Lực lượng quản lý đê nhân dân 04 (bốn) nhân viên; quản lý 12,75km đê chính và 6,0km đê bồi.
- Xã Đông Thái Ninh: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 10,1km đê chính và 2 km đê bồi.
- Xã Tây Thụy Anh: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 3,45km đê chính và 1,56km đê bồi.
- Xã Thụy Anh: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 1,63km đê chính và 0,5km đê bồi.
- Xã Bắc Thụy Anh: Lực lượng quản lý đê nhân dân 02 (hai) nhân viên; quản lý 6,92km đê chính và 1,91km đê bồi.
- Xã Đông Thụy Anh: Lực lượng quản lý đê nhân dân 04 (bốn) nhân viên; quản lý 16,9km đê chính và 3,0km đê bồi.
- Xã Thái Thụy: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 13,6km đê chính.
- Xã Thái Ninh: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 12,0km đê chính.
- Xã Vạn Xuân: Lực lượng quản lý đê nhân dân 06 (sáu) nhân viên; quản lý 13,83km đê chính và 11,46km đê bồi.
- Xã Vũ Thư: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 2,6km đê chính.

- Xã Tân Thuận: Lực lượng quản lý đê nhân dân 04 (bốn) nhân viên; quản lý 7,32km đê chính và 9,21km đê bồi.
- Phường Vũ Phúc: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 2,4km đê chính.
- Xã Vũ Tiên: Lực lượng quản lý đê nhân dân 06 (sáu) nhân viên; quản lý 10,1km đê chính và 19,1km đê bồi.
- Xã Thụ Vũ: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 5,65km đê chính và 6,2km đê bồi.
- Xã Thụ Trì: Lực lượng quản lý đê nhân dân 02 (hai) nhân viên; quản lý 6,75km đê chính.
- Xã Hồng Vũ: Lực lượng quản lý đê nhân dân 02 (hai) nhân viên; quản lý 4,0km đê chính và 3,42km tuyến bờ bao xung yếu.
- Xã Bình Thanh: Lực lượng quản lý đê nhân dân 02 (hai) nhân viên; quản lý 5,75km đê chính và 1,9km đê bồi.
- Xã Bình Định: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 5,0km đê chính và 6,3km đê bồi.
- Xã Bình Nguyên: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 2,26km đê chính.
- Xã Trà Giang: Lực lượng quản lý đê nhân dân 04 (bốn) nhân viên; quản lý 11,35km đê chính và 7,25km đê bồi.
- Xã Lê Lợi: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 0,75km đê chính.
- Xã Tiền Hải: Lực lượng quản lý đê nhân dân 01 (một) nhân viên; quản lý 3,93km đê chính.
- Xã Đông Tiền Hải: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 14,07km đê chính.
- Xã Nam Tiền Hải: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 7,61km đê chính và 3,7km đê bồi.
- Xã Hưng Phú: Lực lượng quản lý đê nhân dân 03 (ba) nhân viên; quản lý 11,09km đê chính.
- Xã Nam Cường: Lực lượng quản lý đê nhân dân 02 (hai) nhân viên; quản lý 8,1km đê chính.
- Xã Đồng Châu: Lực lượng quản lý đê nhân dân 02 (hai) nhân viên; quản lý 8,3km đê chính.

Điều 4. Tiêu chuẩn và tuyển chọn

1. Thành viên phải là người địa phương, có sức khỏe tốt, dưới 60 tuổi (nếu lần đầu tham gia), đủ khả năng làm việc trong điều kiện khắc nghiệt (mưa bão, đêm tối); có tinh thần trách nhiệm cao, am hiểu sông nước, có kỹ năng bơi, lặn tốt và có khả năng tiếp thu kiến thức, nghiệp vụ quản lý đê điều; xử lý những tình huống, sự cố về đê điều đúng kỹ thuật, quy định của pháp luật.

2. Ưu tiên những người cư trú ở gần đê, được giao làm Trưởng điểm gác nước hoặc người có kinh nghiệm trong công tác quản lý đê điều, phòng, chống thiên tai, thường xuyên, tích cực tham gia công tác bảo vệ đê điều tại địa phương, đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này.

3. Căn cứ số lượng nhân viên quản lý đê nhân dân do Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ và tiêu chuẩn để tuyển chọn, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức phê duyệt danh sách lực lượng quản lý đê nhân dân theo địa bàn quản lý hằng năm và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chấp hành sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp xã và hướng dẫn chuyên môn của cơ quan chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và Hạt Quản lý đê điều hoặc cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Phối hợp với lực lượng chuyên trách quản lý đê điều trong việc thường xuyên kiểm tra, tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều thuộc địa bàn, tham gia xử lý sự cố đê điều.

3. Kiểm tra, phát hiện, báo cáo kịp thời tình trạng đê điều, các diễn biến hư hỏng, sự cố đê điều, các loại ẩn họa (hang hốc, tổ mối...). Căn cứ kế hoạch bảo trì đê điều hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã có thể giao nhiệm vụ làm thêm (phát quang cây cối, san lấp ổ gà, khơi thông rãnh thoát nước) cho nhân viên quản lý đê nhân dân. Hạt Quản lý đê điều có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nghiệm thu khối lượng, kỹ thuật hoàn thành để làm căn cứ chi trả thù lao theo định mức hiện hành của nhà nước.

4. Phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều. Lập biên bản theo thẩm quyền (trường hợp cấp thiết) và báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã và Hạt Quản lý đê điều hoặc cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. Là thành viên tham gia chứng kiến lập Biên bản vi phạm hành chính và Biên bản làm việc.

5. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đê điều, vận động nhân dân thực hiện pháp luật về đê điều.

6. Tham gia cùng cơ quan chuyên môn xây dựng phương án hộ đê, phòng, chống thiên tai; tham gia bảo vệ an ninh trật tự các trọng điểm đê, kè, cống xung yếu thuộc địa bàn quản lý.

7. Tham gia quản lý và bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê như: Điểm canh đê; vật tư dự trữ phòng, chống lụt, bão; biển báo đê điều; cột chỉ giới; cây chắn sóng bảo vệ đê và các công trình phụ trợ khác.

8. Nhân viên quản lý đê nhân dân khi làm nhiệm vụ phải đeo băng đỏ có chữ “QLĐND” màu vàng trên cánh tay trái.

Điều 6. Chế độ, nội dung và trách nhiệm báo cáo

1. Chế độ báo cáo

a) Nhân viên quản lý đê nhân dân có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Hạt Quản lý đê điều tối thiểu mỗi tháng 02 lần vào khoảng ngày 01 và 15 hằng tháng về tình trạng đê điều, các công trình phòng, chống lụt bão, tình trạng vật tư dự trữ phòng, chống lụt bão trên địa bàn được giao.

b) Nhân viên quản lý đê nhân dân khi làm nhiệm vụ, phát hiện hư hỏng, sự cố đê điều, hành vi vi phạm pháp luật về đê điều bằng mọi cách nhanh chóng báo cáo cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và Hạt Quản lý đê điều, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã để tiến hành xử lý kịp thời.

Khuyến khích và ưu tiên việc báo cáo nhanh thông qua các ứng dụng di động, nhóm thông tin trên mạng xã hội (như: Zalo, Viber...) hoặc ứng dụng chuyên ngành được cấp có thẩm quyền triển khai. Thông tin báo cáo điện tử phải bao gồm hình ảnh, video hiện trường và định vị tọa độ GPS vị trí xảy ra sự cố hoặc hành vi vi phạm để cơ quan quản lý nắm bắt hiện trường tức thời, là thông tin sơ bộ chính thức để chỉ đạo ứng phó ngay từ giờ đầu, trước khi có báo cáo bằng văn bản theo quy định.

c) Phối hợp chặt chẽ với cán bộ phụ trách về quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

2. Nội dung báo cáo

a) Thời gian phát hiện vi phạm hoặc hư hỏng, sự cố đê điều.

b) Vị trí, đối tượng, quy mô, mức độ, đặc điểm, quá trình diễn biến các hành vi vi phạm hoặc hư hỏng, sự cố đề điều, kết quả xử lý giờ đầu, đề xuất biện pháp xử lý tiếp theo; đối với báo cáo điện tử, vị trí phải được xác định cụ thể thông qua tính năng chia sẻ tọa độ (GPS) trên ứng dụng.

c) Trường hợp phát hiện vi phạm nghiêm trọng hoặc sự cố đề điều có nguy cơ đe dọa đến an toàn đề điều, phải có biện pháp kiên quyết ngăn chặn, báo cáo kịp thời Ủy ban nhân dân cấp xã, Hạt Quản lý đề điều khu vực sở tại để xử lý kịp thời và thông báo cho các cơ quan, đơn vị liên quan biết.

3. Trách nhiệm báo cáo

Nhân viên quản lý đề nhân dân chịu trách nhiệm trước chính quyền và pháp luật về việc phát hiện, báo cáo không kịp thời, không chính xác các vụ việc vi phạm, các diễn biến hư hỏng của công trình đề điều và các công trình khác có liên quan đến an toàn của đề điều.

Chương III KINH PHÍ VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

Điều 7. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí duy trì hoạt động của lực lượng quản lý đề nhân dân lấy từ Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh và nguồn ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Điều 8. Chế độ chính sách đối với nhân viên quản lý đề nhân dân

1. Mức thù lao của nhân viên quản lý đề nhân dân là 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng.

2. Được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đề điều và hộ đề; được trang bị bảo hộ lao động và công cụ cần thiết để thực hiện nhiệm vụ (áo mưa, ủng, mũ cứng, đèn pin và các trang thiết bị khác phù hợp với thực tế ngân sách địa phương); được hưởng các chế độ, chính sách trong trường hợp bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ và các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã có đề

1. Căn cứ tiêu chuẩn tuyển chọn nhân viên quản lý đề nhân dân quy định tại Điều 4, tổ chức tuyển chọn, ban hành Quyết định phê duyệt danh sách lực lượng quản lý đề nhân dân. Tổ chức lực lượng quản lý đề nhân dân thuộc địa bàn. Trực tiếp quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng này.

2. Chủ trì, phối hợp với Hạt Quản lý đê điều hoặc cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê cho lực lượng quản lý đê nhân dân.

3. Lập dự toán kinh phí hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành liên quan để chi trả kinh phí thù lao và chi phí khác cho lực lượng quản lý đê nhân dân; chi trả, thanh toán kinh phí thù lao, chi phí khác và thực hiện các chế độ chính sách đối với nhân viên quản lý đê nhân dân theo các quy định hiện hành của nhà nước; trực tiếp quản lý, theo dõi, tổ chức nghiệm thu và thực hiện thanh quyết toán các khoản chi cho nhiệm vụ phát sinh (phát quang, san lấp ổ gà, khơi thông rãnh thoát nước) theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của cơ quan tài chính.

4. Hằng năm, báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động, số kinh phí đã chi trả của lực lượng quản lý đê nhân dân về Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

5. Tổng hợp báo cáo của nhân viên quản lý đê nhân dân gửi về Hạt Quản lý đê điều hoặc cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, mỗi tháng 01 lần.

6. Hằng năm chủ trì tổ chức nhận xét, đánh giá xếp loại chất lượng của từng nhân viên quản lý đê nhân dân, có sự tham gia đánh giá của Hạt Quản lý đê điều khu vực phụ trách. Đánh giá nhân viên dựa trên các tiêu chí cơ bản: Tỷ lệ số buổi tuần tra thực tế so với kế hoạch; số vụ vi phạm hoặc ẩn họa đê điều được phát hiện, báo cáo kịp thời; việc chấp hành chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất. Kết quả nhận xét, đánh giá là cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thanh toán kinh phí thù lao và thực hiện các chế độ chính sách, khen thưởng hoặc kỷ luật theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai, phổ biến, hướng dẫn và đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đê để tổ chức, hướng dẫn hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân. Tổng hợp tình hình tổ chức, hoạt động và báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện quy định này.

3. Tổ chức, chỉ đạo Hạt Quản lý đê hoặc cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông

nghiệp và Môi trường; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê cho lực lượng quản lý đê nhân dân.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp thẩm định dự toán kinh phí chi trả cho lực lượng quản lý đê nhân dân, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trích Quỹ phòng, chống thiên tai để thực hiện.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán ngân sách hằng năm cho các xã, phường để chi trả thù lao của lực lượng quản lý đê nhân dân theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 12. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc được khen thưởng; trường hợp thiếu trách nhiệm hoặc vi phạm quy định sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.